

BÁO CÁO TUẦN 11

17/03/2025 – 21/03/2025

*Dự báo danh mục FTSE Vietnam 30 Index và
SLCP mua/bán ETF ngoại Q1/2025*

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục FTSE Vietnam 30 Index và SLCP mua/bán ETF ngoại Q1/2025*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *Đà tăng chứng, VN-Index dù vậy vẫn đang củng cố cho chu kỳ tăng điểm trung dài hạn*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bất động sản +5.82%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	14/03/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5638.94	2.1%	-2.3%	-6.8%	9.5%
EU (EURO STOXX 50)	5404.18	1.4%	-1.2%	0.0%	8.2%
Trung Quốc (SHCOMP)	3419.562	1.8%	1.4%	2.2%	12.6%
Nhật Bản (NIKKEI)	37053.1	0.7%	0.4%	-4.9%	-4.5%
Hàn Quốc (KOSPI)	2566.36	-0.3%	0.1%	0.7%	-5.6%
Singapore (STI)	3836.02	0.0%	-2.0%	-1.0%	20.4%
Thái Lan (SET)	1173.76	1.2%	-2.4%	-8.6%	-15.9%
Phillipines (PCOMP)	6294.11	0.8%	-0.1%	4.1%	-9.7%
Malaysia (KLCI)	1512.15	0.1%	-2.3%	-5.7%	-2.0%
Indonesia (JCI)	6515.631	-2.0%	-1.8%	-2.0%	-12.3%
Việt Nam (VNI)	1326.15	0.0%	0.0%	4.7%	4.9%
Việt Nam (HNX)	242.73	0.6%	1.8%	5.8%	1.3%
Việt Nam (UPCOM)	99.38	0.4%	0.3%	2.7%	8.5%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ tiếp tục giảm sâu, kéo dài chuỗi 3 tuần giảm

Các chỉ số CK Hoa Kỳ tiếp tục chìm trong sắc đỏ với mức giảm bình quân 3.3%. Ông Trump đe dọa áp thuế 200% lên các sản phẩm có cồn từ EU để đáp trả khối này áp thuế 50% với rượu whisky nhập từ Hoa Kỳ. Chính sách thuế quan gây rung chuyển thị trường, gây áp lực lên niềm tin doanh nghiệp, người tiêu dùng và lấn át thông tin tích cực về CPI công bố trước đó. Cùng với diễn biến tiêu cực trên TTCK, NĐT cũng tìm đến nơi trú ẩn an toàn là vàng, đẩy giá vàng tiến sát ngưỡng 3,000 USD/ounce.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm bình quân -3.3%, EU600 -1.9%, Nikkei 225 +0.8%; CSI 300 +1.5%.
- Chỉ số hàng hóa +0.7%, trong đó kim loại quý tiếp tục tăng giá (Vàng+2.9%, Bạc +4.3%) và các kim loại (Đồng+4.6%, Chì +3.0% và Thiếc +13%); các mặt hàng nông sản (Lúa mì+5.3%, gạo+4.3%)
- Chỉ số DXY +0.2% và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y -0.05%.

CPI tháng 2 Hoa Kỳ tăng 0.2% mom và tăng 2.8% yoy, thấp hơn dự báo 0.1%. CPI lõi tăng 0.2% mom và 3.1% yoy, đều thấp hơn so với dự báo. Chi phí nhà ở tăng 0.3% nhưng yếu hơn so tháng 1 và chiếm 1/3 tỷ trọng CPI. Báo cáo CPI đang cho thấy tiến triển cải thiện về lạm phát khi tốc độ tăng chậm so với tháng 1. Đây là tín hiệu tích cực trong bối cảnh diễn biến thuế quan ngày càng căng thẳng, mới nhất là Hoa Kỳ áp thuế 25% với thép và nhôm ngày 12/3 kéo theo EU đề xuất áp thuế lần lượt lên 28 tỷ USD dự kiến vào giữa tháng 4 và 20 tỷ hàng hóa Hoa Kỳ từ Canada vào ngày 13/3. Thị trường dự báo FED sẽ giữ nguyên lãi suất ở mức 4.25 - 4.5% trong kỳ họp tuần tới.

Chỉ số sản xuất công nghiệp, doanh thu bán lẻ, tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; CPI, doanh thu bán lẻ Canada; Doanh thu bán lẻ, đơn xin trợ cấp thất nghiệp, doanh thu bán nhà qua sử dụng Hoa Kỳ; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ BOE, BOJ và FED là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	14/03/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,984.2	-0.2%	2.6%	2.8%	38.0%
Bạc	USD/ozt	33.8	-0.2%	3.9%	4.8%	36.2%
Thép HRC	USD/T.	939.0	-0.1%	1.5%	22.7%	18.4%
Nhôm	USD/MT	2,701.0	-0.8%	-0.9%	2.6%	22.4%
Niken	USD/MT	16,253.4	-0.2%	-0.4%	6.9%	-9.1%
Quặng sắt	CNY/MT	808.5	2.3%	2.3%	-1.4%	-15.1%
Dầu Brent	USD/bbl.	70.6	1.0%	0.3%	-6.1%	-17.4%
Dầu WTI	USD/bbl.	67.2	0.9%	0.2%	-5.9%	-17.3%
Xăng	USD/gal.	214.9	0.7%	1.9%	2.8%	-20.5%
Than đá	USD/MT	100.8	-0.3%	-2.4%	-3.6%	-23.4%
Đậu tương	USD/bu.	999.3	0.3%	-1.1%	-2.8%	-15.4%
Cao su	JPY/kg	340.2	2.2%	-3.2%	-8.4%	-2.3%
Đường	USD/MT	541.5	0.5%	3.2%	-0.7%	-11.9%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

Mong manh giữ thế tăng điểm, VN-Index có tuần tăng điểm thứ 8

VN-Index tăng nhẹ 0.01% trong tuần thứ 8, khối lượng giao dịch cải thiện nhẹ. Các cổ phiếu lớn luân chuyển giữ nhịp và lực cầu bắt đáy tốt ở vùng giá thấp là động lực để VN-Index giữ được đà tăng qua đó củng cố cho xu hướng tăng điểm trung và dài hạn.

- Bộ 3 cổ phiếu VIC, VCB, VHM đóng góp 14 điểm tăng cho VN-Index bù lại đà giảm của FPT và một số cổ phiếu Ngân hàng khác.
- Độ rộng tăng điểm tiếp tục thu hẹp còn 8/18 ngành tăng điểm. Bất động sản, viễn thông, hàng DV công nghiệp tăng từ 2-8% trong khi Tài nguyên cơ bản, dầu khí giảm trên 3%. Dòng luân chuyển cổ phiếu đang có dấu hiệu chững lại cho dù thanh khoản vẫn duy trì ở mức khá.
- Khối ngoại bán ròng 65 triệu USD từ mức bán ròng 28 triệu USD của tuần trước.

Chính phủ dự kiến trình phương án sắp xếp giảm 50% số đơn vị hành chính cấp tỉnh và giảm 60-70% đơn vị hành chính cấp cơ sở so với hiện tại trên cơ sở xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Nội dung tinh gọn bộ máy nhà nước là một trong những nội dung nổi bật trong kỳ họp Quốc hội, theo đó Quốc hội sẽ quyết định bỏ cấp huyện và sáp nhập tỉnh dựa trên đề xuất Chính phủ sau khi sửa đổi Hiến pháp. Sáp nhập 60-70% trong tổng số hơn 10,500 đơn vị xã thuộc thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cuộc họp quốc hội khai mạc đầu tháng 5 và kéo dài kỷ lục gần 2 tháng dự kiến thông qua 11 luật, thảo luận 16 luật và sửa đổi Hiến pháp.

Thị trường vẫn cần thêm những phiên rung lắc, giảm áp lực chốt lời từ các cổ phiếu có giá vốn thấp được tích lũy trong gần 2 tháng thông qua chuyển kỳ vọng giao dịch giữa các lớp NĐT. Điều này giúp cho xu hướng thị trường tăng bền vững hơn. Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực trong trung hạn và cho rằng những phiên điều chỉnh là cơ hội cho NĐT tiếp tục nâng cao tỷ trọng đầu tư.

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục FTSE Vietnam 30 Index và SLCP mua/bán ETF ngoại Q1/2025*

Ngày 7/3/2025, FTSE đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index. Ngày 14/3/2025, MarketVector đã công bố danh mục Marketvector Vietnam Local Index. Đối với bộ chỉ số FTSE Vietnam 30 Index (ETF Fubon tham chiếu) cũng sẽ đến kỳ đánh giá Quý 1/2025. Ngày 21/3/2025 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục của các ETF tham chiếu theo các bộ chỉ số này. Chi tiết thay đổi đáng chú ý:

1. FTSE Vietnam Index (ETF FTSE tham chiếu)

- Thêm mới: SIP.
- Không loại bỏ cổ phiếu thành phần.

2. FTSE Vietnam 30 Index (ETF Fubon tham chiếu)

- Dự kiến thêm mới: VPI.
- Dự kiến loại bỏ: DIG.

3. MarketVector Vietnam Local Index (VanEck Vectors Vietnam ETF tham chiếu)

- Thêm mới: NAB.
- Không loại bỏ cổ phiếu thành phần.

Lưu ý: Data BSC dùng để dự báo có thể bị sai lệch do ngày áp dụng dữ liệu, tỷ lệ free-float, trọng số đầu tư.

BSC dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu theo các chỉ số, cụ thể như sau:

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục FTSE Vietnam 30 Index và SLCP mua/bán ETF ngoại Q1/2025

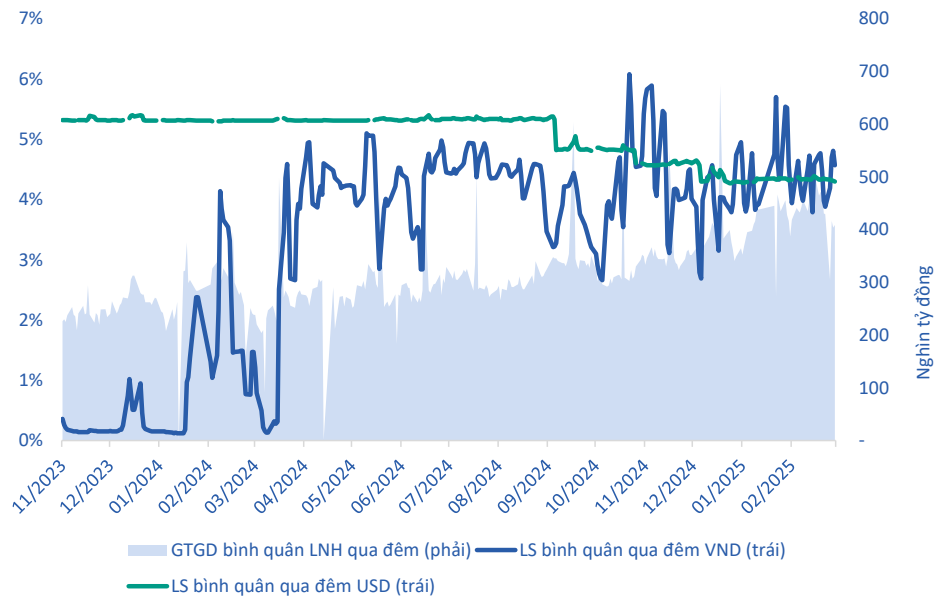
Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF ngoại Q1/2025

Mã	FTSE Vietnam Index			FTSE Vietnam 30 Index			MarketVector Vietnam Local Index (MVVNL)			Tổng hợp	
	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	KLGD	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	KLGD	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	KLGD	Tổng KLGD	Số phiên GD dự kiến
NAB	-	-	-	1.09%	1.44%	2,856,785	0.00%	1.35%	8,136,079	10,992,864	3.52
VPI	1.23%	1.38%	171,864	0.00%	1.47%	3,852,996	1.29%	1.28%	-19,891	4,004,968	2.49
VNM	6.91%	10.36%	3,745,483	7.22%	10.00%	6,711,089	6.39%	6.50%	181,277	10,637,849	2.33
POW	0.87%	1.40%	2,997,772	0.91%	1.51%	7,379,136	1.06%	1.06%	-2,130	10,374,778	1.85
SIP	0.00%	1.64%	1,248,721	-	-	-	1.67%	1.58%	-97,393	1,151,328	1.54
SAB	-	-	-	1.17%	1.56%	1,116,470	1.25%	1.22%	-46,064	1,070,407	1.48
BVH	-	-	-	0.63%	0.94%	840,402	0.98%	0.99%	31,243	871,645	1.02
VND	2.49%	3.09%	2,973,213	2.61%	3.66%	10,401,698	3.17%	3.18%	26,309	13,401,220	0.91
VCI	2.32%	3.32%	1,736,895	2.43%	3.60%	4,422,214	3.48%	3.74%	709,713	6,868,821	0.78
SSI	5.23%	6.39%	2,941,635	5.47%	6.95%	8,118,726	5.35%	5.50%	585,386	11,645,747	0.71
VGC	-	-	-	0.41%	0.59%	526,277	0.00%	0.00%	0	526,277	0.57
DCM	-	-	-	0.72%	0.96%	1,046,823	0.81%	0.83%	33,953	1,080,776	0.49
EIB	1.73%	2.13%	1,237,630	1.81%	2.10%	2,139,594	1.91%	1.97%	295,050	3,672,274	0.35
PDR	1.36%	1.49%	446,300	1.42%	1.60%	1,351,196	1.43%	1.40%	-128,681	1,668,815	0.27
VTP	1.07%	1.48%	181,985	-	-	-	0.00%	0.00%	0	181,985	0.25
VRE	2.60%	2.57%	-116,968	2.72%	2.85%	1,028,027	2.33%	2.49%	908,025	1,819,084	0.25
FTS	1.33%	1.69%	485,853	-	-	-	1.53%	1.53%	-2,702	483,150	0.20
GEX	1.48%	1.66%	532,624	1.54%	1.76%	1,405,012	1.61%	1.59%	-89,842	1,847,794	0.19
DPM	1.05%	1.13%	142,055	1.10%	1.20%	393,676	0.89%	0.91%	37,437	573,168	0.15
SHB	2.01%	2.18%	1,164,091	2.10%	2.53%	5,853,721	2.21%	1.82%	-4,178,851	2,838,962	0.13
IDC	-	-	-	-	-	-	0.88%	0.93%	102,547	102,547	0.12
VCG	0.82%	1.09%	877,938	-	-	-	1.04%	1.06%	122,903	1,000,841	0.11
PVS	-	-	-	-	-	-	0.82%	0.91%	267,026	267,026	0.11
VIX	2.67%	3.22%	3,183,760	-	-	-	3.25%	3.22%	-195,918	2,987,841	0.09
PVD	0.97%	1.03%	177,399	-	-	-	0.92%	0.96%	189,287	366,686	0.09
HUT	-	-	-	-	-	-	1.31%	1.35%	256,644	256,644	0.06
HSG	0.87%	0.92%	205,084	-	-	-	0.85%	0.88%	130,472	335,555	0.05
SBT	-	-	-	-	-	-	0.97%	0.98%	99,533	99,533	0.03
TCH	0.91%	1.00%	349,309	-	-	-	1.00%	0.96%	-229,885	119,424	0.02
HAG	-	-	-	-	-	-	1.14%	1.15%	105,915	105,915	0.01
CEO	-	-	-	-	-	-	0.67%	0.68%	66,064	66,064	0.01
VHC	-	-	-	-	-	-	1.44%	1.45%	5,840	5,840	0.01
SHS	-	-	-	-	-	-	1.03%	0.98%	-334,331	-334,331	(0.03)
HDG	-	-	-	-	-	-	0.56%	0.53%	-129,984	-129,984	(0.06)
CTR	-	-	-	-	-	-	0.82%	0.73%	-85,362	-85,362	(0.11)
NVL	-	-	-	-	-	-	1.80%	1.68%	-1,127,662	-1,127,662	(0.12)
DXG	1.09%	0.85%	-999,007	-	-	-	0.86%	0.70%	-997,610	-1,996,617	(0.17)
HPG	13.28%	9.75%	-8,559,826	10.47%	10.00%	-2,540,593	6.09%	7.00%	3,451,049	-7,649,370	(0.29)
DGC	3.06%	2.69%	-227,343	3.20%	2.85%	-492,896	2.37%	2.50%	120,706	-599,534	(0.41)
KBC	1.70%	1.35%	-782,322	1.78%	1.42%	-1,790,138	1.28%	1.30%	98,284	-2,474,176	(0.52)
VHM	9.64%	9.12%	-778,382	10.04%	10.00%	-137,499	8.86%	8.00%	-1,930,684	-2,846,565	(0.53)
DIG	0.95%	1.10%	508,288	0.99%	0.00%	-7,092,824	1.04%	1.03%	-59,651	-6,644,187	(0.65)
VIC	9.88%	10.27%	591,473	10.29%	10.00%	-831,646	9.55%	8.00%	-3,400,954	-3,641,126	(0.89)
STB	-	-	-	3.53%	-	-8,728,860	-	-	-	-8,728,860	(0.91)
KDC	-	-	-	1.32%	1.12%	-506,459	0.96%	0.98%	43,876	-462,583	(0.98)
VCB	8.65%	7.62%	-1,104,209	9.05%	8.60%	-998,177	5.99%	0.06	12,982	-2,089,404	(1.18)
PLX	-	-	-	0.88%	0.29%	-2,098,236	0.00%	0.00%	0	-2,098,236	(1.38)
MSN	7.04%	4.63%	-2,376,344	7.36%	5.20%	-4,490,370	4.62%	4.62%	-1,709	-6,868,423	(1.40)
FRT	1.85%	0.76%	-406,711	1.93%	0.84%	-900,320	0.00%	0.00%	0	-1,307,031	(2.11)
VJC	2.46%	1.77%	-484,397	2.58%	1.96%	-928,663	1.71%	1.68%	-37,748	-1,450,809	(2.11)
KDH	2.50%	0.91%	-3,227,299	2.61%	1.74%	-4,000,087	0.80%	0.80%	-1,246	-7,228,632	(3.72)

Nguồn: BSC Research tổng hợp

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 2	87,749.9	98,380.0	10,630.1	(25,600.0)
Tuần 3	72,849.6	202,180.0	129,330.4	103,730.4
Tuần 4	0.0	0.0	0.0	103,730.4
Tuần 5	90,613.1	124,923.5	34,310.5	138,040.8
Tuần 6	140,738.2	102,633.6	(38,104.7)	99,936.2
Tuần 7	90,813.7	56,658.4	(34,155.3)	65,780.9
Tuần 8	93,479.5	90,370.0	(3,109.5)	62,671.4
Tuần 9	47,958.5	47,100.1	(858.4)	61,813.0
Tuần 10	35,935.6	60,381.3	24,445.7	86,258.8

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.57%	4.60%	4.21%	4.75%
So với tuần trước	+0.20%	+0.18%	-0.06%	-0.18%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	383,341.5	8,165.3	5,305.0	3,385.0
So với tuần trước	-15.54%	-41.51%	+0.40%	+124.71%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 13/03/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 10, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 58,381.5 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 24,445.7 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng thu hẹp biên độ dao động, ổn định quanh ngưỡng 4.5%.

PTKT: Đà tăng chững, VN-Index dù vậy vẫn đang củng cố cho chu kỳ tăng điểm trung dài hạn

Đồ thị ngày: Sau 7 tuần tăng điểm trong đó 2 tuần đi ngược diễn biến TT Hoa Kỳ, VN-Index đi ngang với cây nến tuần spinning top có bóng nến rộng. Đường giá lùi về dải bollinger band giữa và các chỉ báo rút khỏi vùng quá mua. Thanh khoản giữ ở mức khá, những phiên rung lắc có tần suất nhiều hơn tuy nhiên thị trường vẫn vững vàng nhờ lực cầu mua chủ động ở vùng giá thấp. VN-Index cũng đang giữ được kênh giá tăng điểm từ 13/1.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 73 xuống 68 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 3% với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20, SMA 50, 100, 200 và đang giảm về gần bollinger band giữa.

Kết luận: Như đề cập trong báo cáo tuần trước, VN-Index đang thoát ly với diễn biến thế giới trong khi vòng quay các cổ phiếu BCs diễn ra liên tục và không có nhịp nghỉ kéo theo nguy cơ điều chỉnh. Mặc dù chỉ số vẫn tăng điểm nhưng mức độ chững giá cũng là điều hợp lý. Diễn biến này giúp phần giảm bớt lực cung có giá thấp trong tương lai, định hình lại dòng tiền qua đó tái cân bằng lại và giúp cho đà tăng điểm thêm vững vàng hơn. Chỉ số cần thêm những phiên giao dịch giằng co, và điều chỉnh để thu hút thêm dòng tiền mới tham gia trong quá trình VN-Index hướng tới đỉnh cao mới trong năm 2025.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
VIC	15.23	6.32
VCB	3.75	4.78
VHM	6.56	2.90
BCM	5.33	0.99
MSN	3.04	0.72
SHB	7.00	0.68
VPB	1.82	0.67
VND	9.12	0.46
VRE	3.02	0.30
NVL	5.71	0.28
Tổng		18.11

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
FPT	-7.07	-3.53
BID	-1.82	-1.26
HPG	-1.78	-0.77
TCB	-1.62	-0.76
BSR	-4.77	-0.71
ACB	-2.44	-0.70
EIB	-6.93	-0.67
BVH	-5.47	-0.55
PNJ	-6.92	-0.53
PLX	-3.38	-0.44
Tổng		-9.91

Khối ngoại mua ròng

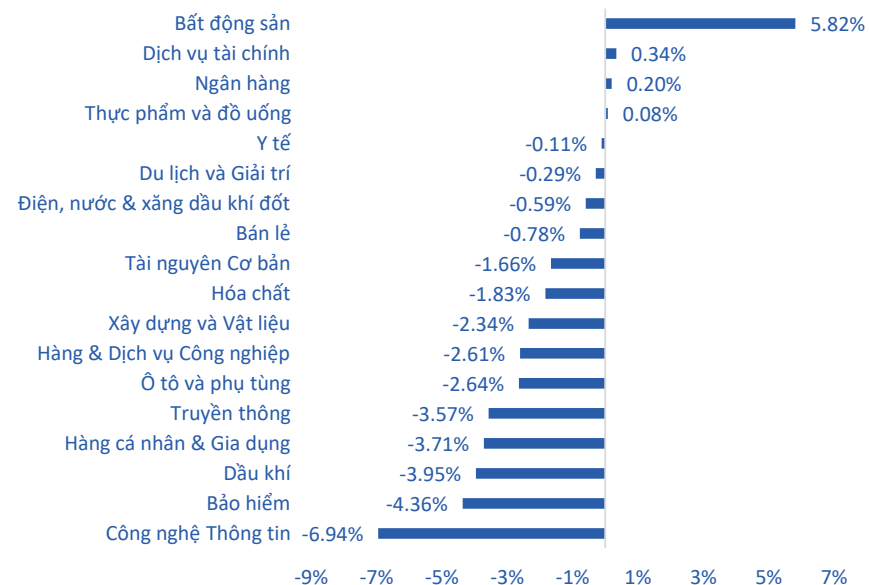
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
VIC	515.69
VHM	441.53
MWG	344.51
VIX	261.21
EIB	229.79
VCI	228.83
SHS	196.84
CTG	129.87
DXG	108.43
GVR	100.01
Tổng	2,556.71

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
FPT	-1186.44
VNM	-270.21
VCB	-217.00
HPG	-208.33
NLG	-203.77
DBC	-197.06
KDH	-191.12
GMD	-188.91
PNJ	-179.08
DGC	-153.79
Tổng	-2995.72

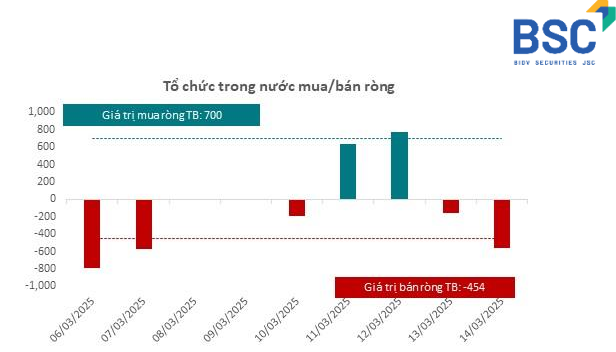
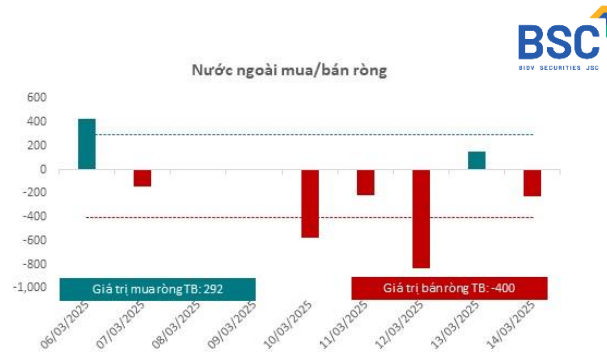
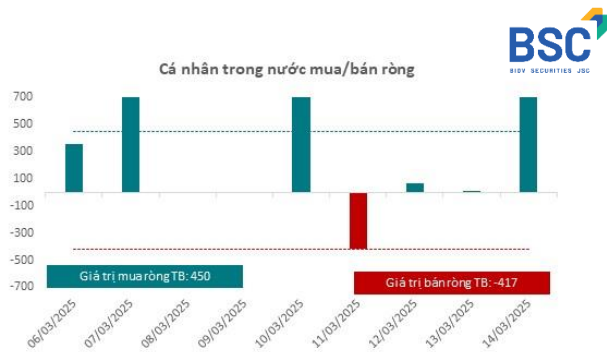
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Bất động sản	0.73%	5.82%	16.54%
Dịch vụ tài chính	-0.24%	0.34%	9.12%
Ngân hàng	0.46%	0.20%	3.38%
Thực phẩm và đồ uống	0.39%	0.08%	2.67%
Y tế	-0.13%	-0.11%	-1.38%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
VIX	18,267,678	241.71	MWG	6,033,365	(371.46)	VIC	10,363,706	515.69	FPT	8,780,796	(1,186.44)	FPT	9,743,422	1,317.01	VIC	12,119,079	(601.85)
FUEVFNVD	3,269,500	108.74	MBB	8,693,004	(213.40)	VHM	9,332,736	441.53	VNM	4,332,291	(270.21)	KDH	9,604,527	311.81	VIX	44,801,271	(572.08)
VIC	1,279,963	62.19	EIB	9,159,882	(193.09)	MWG	5,578,998	344.51	VCB	3,218,101	(217.00)	VNM	4,333,674	270.37	VHM	11,540,964	(548.72)
SHB	7,006,275	60.81	KOS	2,490,600	(96.25)	VIX	21,031,183	261.21	HPG	7,501,825	(208.33)	DBC	8,202,666	244.91	MBB	21,707,558	(534.03)
SSI	2,105,336	56.62	KDH	2,781,400	(89.40)	EIB	10,873,170	229.79	NLG	6,107,250	(203.77)	NLG	6,595,150	220.06	VCI	7,686,658	(300.31)
MSN	795,908	55.25	FPT	348,572	(46.59)	VCI	5,852,295	228.83	DBC	6,625,166	(197.06)	SAB	4,180,660	213.98	TCB	7,860,216	(217.04)
VIB	2,350,294	48.67	CTG	1,049,440	(44.38)	CTG	3,074,780	129.87	KDH	5,868,797	(191.12)	VCB	3,411,797	211.09	SSI	6,443,604	(179.12)
BCM	551,540	43.10	ACB	1,428,236	(37.82)	DXG	6,593,498	108.43	GMD	3,165,287	(188.91)	MSB	17,369,211	202.57	VIB	8,567,160	(178.03)
VNM	590,917	36.91	DBC	915,100	(28.00)	GVR	2,999,284	100.01	PNJ	1,982,337	(179.08)	DGC	1,864,956	202.20	CTG	3,938,577	(166.64)
BID	772,600	31.28	GAS	380,600	(25.77)	VND	6,519,460	98.99	DGC	1,410,908	(153.79)	NAB	12,164,544	197.47	VND	10,874,008	(160.90)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	61.5	0.0%	1.4	89,881	652	2,544	24.2		46.0%	
KBC	Bất động sản	29.4	-0.5%	1.75	22,683	119	555	53.2		19.5%	
KDH	Bất động sản	32.2	-0.6%	1.06	32,710	98	862	37.5		36.1%	
PDR	Bất động sản	20.2	2.0%	1.93	17,288	215	643	30.8	23,600	7.6%	Link
VHM	Bất động sản	47.9	0.2%	1.13	196,334	818	7286	6.6	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	131.4	-3.7%	1.03	200,801	2155	5365	25.4	163,000	44.1%	Link
BSR	Dầu khí	19.0	-1.8%	0.00	59,840	101	202	95.7		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.5	-2.1%	1.17	15,868	164	2473	13.4	40,300	18.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	31.8	0.0%	1.84	22,895	306	1571	20.2		43.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	27.0	0.0%	1.61	52,872	905	1536	17.6		38.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	38.9	0.1%	1.78	27,898	237	1537	25.3		27.6%	
DCM	Hóa chất	34.0	-0.7%	1.74	18,105	92	2682	12.8	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	107.0	-1.7%	1.48	41,358	282	7864	13.9	111,400	16.3%	Link
ACB	Ngân hàng	26.0	-0.4%	0.71	116,580	318	3759	6.9		30.0%	
BID	Ngân hàng	40.4	0.5%	0.94	282,259	92	3572	11.3	47,000	16.7%	Link
CTG	Ngân hàng	42.3	0.0%	0.96	227,151	332	4720	9.0		26.8%	
HDB	Ngân hàng	23.2	0.2%	0.88	80,911	170	3667	6.3		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.3	0.0%	0.93	148,285	486	3729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.6	1.8%	1.30	29,640	113	2123	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	38.9	-0.4%	1.19	73,523	487	5351	7.3		22.1%	
TCB	Ngân hàng	27.3	0.0%	1.12	192,870	577	3054	8.9	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.1	0.3%	0.97	42,403	164	2299	7.0	-	28.2%	Link
VCB	Ngân hàng	66.0	0.8%	0.47	547,298	334	4049	16.2		22.7%	
VIB	Ngân hàng	20.4	0.3%	0.92	60,476	111	2424	8.4		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.6	1.8%	0.90	152,728	349	1989	9.7	25,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.6	-0.5%	1.18	177,176	528	1879	14.7	37,500	21.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.7	-0.8%	1.56	11,706	90	935	20.2	22,700	8.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.4	-3.3%	1.93	10,157	451	2712	11.2	31,000	9.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.1	1.0%	1.40	101,260	521	1345	52.4		25.2%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.1	0.2%	0.54	129,577	168	4494	13.8		50.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	40.3	0.3%	2.0	8,811	50.4	2,042	19.7	18.83%	15.93%	Link
FRT	Bán lẻ	180.1	0.1%	1.0	24,524	71.4	2,331	77.2	33.09%	18.09%	
BVH	Bảo hiểm	53.6	-0.9%	1.0	40,160	35.5	2,809	19.3	26.60%	9.50%	
DIG	Bất động sản	20.7	2.7%	1.6	12,258	519.6	172	116.8	3.94%	1.36%	
DXG	Bất động sản	16.3	1.6%	1.6	13,977	261.2	351	45.7	20.47%	2.54%	Link
HDC	Bất động sản	25.1	1.2%	1.4	4,423	82.2	377	65.8	2.90%	3.14%	
HDG	Bất động sản	27.7	-0.9%	1.5	9,400	65.7	1,714	16.3	19.60%	9.41%	
IDC	Bất động sản	54.3	-1.3%	1.2	18,150	77.7	6,050	9.1	21.46%	37.71%	
NLG	Bất động sản	33.5	-0.2%	1.5	12,900	226.6	1,331	25.2	39.86%	5.38%	
SIP	Bất động sản	91.3	1.3%	0.0	18,969	54.1	5,555	16.2	5.24%	29.47%	
SZC	Bất động sản	44.8	0.0%	1.7	8,063	125.7	1,809	24.8	2.34%	12.48%	Link
TCH	Bất động sản	17.3	0.3%	1.8	11,527	91.2	1,466	11.8	8.75%	10.79%	Link
VIC	Bất động sản	52.2	1.6%	1.1	196,536	440.9	3,026	17.0	9.09%	9.33%	
VRE	Bất động sản	18.8	-0.3%	1.3	42,720	215.6	1,802	10.4	17.76%	10.27%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.5	-2.2%	0.9	8,970	50.5	1,478	28.7	35.78%	11.44%	
PLX	Dầu khí	41.4	-0.7%	1.0	52,984	69.3	2,275	18.3	17.43%	11.12%	Link
PVD	Dầu khí	23.1	-1.9%	1.4	13,063	165.3	1,252	18.8	9.27%	4.57%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.1	-1.2%	2.2	15,510	144.1	1,869	27.1	30.24%	14.62%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.5	-0.3%	1.9	17,527	92.3	1,583	19.3	7.05%	12.45%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.7	-0.9%	0.6	160,005	63.8	4,439	15.4	1.71%	16.73%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0	0.4%	1.0	27,985	99.1	535	22.4	3.60%	3.95%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.9	-1.8%	1.0	34,007	75.8	4,237	17.0	49.00%	11.01%	
VJC	Du lịch và Giải trí	98.6	1.3%	0.5	52,699	256.9	2,632	37.0	12.90%	8.87%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.6	-1.1%	2.3	19,595	144.3	1,910	11.9	7.79%	12.38%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.1	-2.5%	1.0	25,043	144.1	4,631	12.9	43.34%	13.92%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.0	-1.7%	1.6	5,922	124.4	4,658	10.5	11.13%	21.91%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.4	-0.8%	1.3	9,114	79.8	3,071	8.3	12.01%	15.05%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	146.4	-2.9%	0.0	18,353	52.0	3,144	47.9	6.63%	24.12%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.4	-2.9%	0.8	30,411	159.9	6,305	14.3	48.98%	20.08%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	41.6	0.0%	0.79	4,237	101.0	2710	15.4	49.99%	12.96%	

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.5	-0.9%	1.1	2,783	19.6	2,575	8.8	16.09%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.7	0.0%	1.5	13,951	94.7	1,518	23.5	9.23%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	33.3	0.9%	2.2	132,000	139.1	1,053	31.3	0.57%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	20.2	-1.0%	1.1	37,906	135.4	1,786	11.4	3.85%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	35.0	-1.0%	0.8	105,451	53.1	3,254	10.9	0.85%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	17.6	0.0%	0.0	23,277	65.3	2,702	6.5	1.27%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.2	1.4%	1.0	27,124	22.1	1,287	8.6	19.76%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	-1.2%	1.6	7,206	145.9	1,408	11.4	7.99%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.2	-0.3%	1.7	4,593	21.6	182	94.9	0.73%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.2	0.6%	0.8	7,888	165.2	1,584	20.8	3.24%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	51.6	1.0%	1.1	65,539	80.0	3,376	15.1	60.21%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	67.0	-1.3%	1.3	15,240	83.4	5,496	12.4	26.02%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	119.0	-1.1%	1.0	9,848	50.4	12,103	9.9	82.42%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.0	-2.2%	1.4	8,484	145.2	3,734	22.7	48.98%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	112.1	-2.5%	1.4	13,154	107.3	4,709	24.4	8.35%	28.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.1	1.1%	1.7	2,999	36.9	3,545	13.4	6.41%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	0.0%	1.7	5,403	104.9	937	13.3	7.07%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.8	-1.3%	1.6	8,262	55.3	1,287	18.0	15.76%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.9	0.0%	1.9	12,511	279.1	1,579	13.2	6.09%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	50.9	-0.8%	1.8	23,000	50.3	2,464	20.8	5.76%	13.7%	

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company. All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: **RESP BSC ResearchV <GO>**

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký